



Tiêu điểm trong ấn phẩm:

01. Thuế Thu nhập cá nhân

- Tình trạng cư trú của chuyên gia nước ngoài có nơi ở thường xuyên ở Việt Nam, nhưng thực tế ở Việt Nam dưới 183 ngày
- Thuế Thu nhập cá nhân trên các khoản đóng góp
- Trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc
- Khoản tiền hỗ trợ cho người lao động thực hiện phương án “3 tại chỗ”
- Điểm mới trong Thông tư số 100/2021/TT-BTC hướng dẫn thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

02. Quản lý thuế

- Khai thuế, nộp thuế thay cho hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán
- Kê khai, phân bổ và nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với nhà máy sản xuất khác tỉnh hưởng ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp
- Được áp dụng chính sách giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP đối với bên bị sáp nhập khi tiến hành thủ tục sáp nhập
- Quy định về giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP đối với trường hợp năm tài chính không trùng năm dương lịch

03. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí khấu hao của tài sản cố định bị tạm dừng trong giai đoạn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19
- Chi phí tiền lương, tiền công chi trả qua ví điện tử
- Chi phí khấu hao tài sản cố định trước hoạt động
- Chi phí tiền lương, tiền công cho người lao động do thôi việc, bị mất việc mà chưa dùng hết phép năm
- Chi phí cho chuyên gia sang Việt Nam làm việc dưới hợp đồng phái cử
- Tiền cọc không được hoàn trả do chấm dứt hợp đồng trước hạn

04. Thuế Giá trị gia tăng

- Thuế Giá trị gia tăng đối với hoạt động xuất khẩu trang sức
- Thuế tiêu thụ đặc biệt xe ô tô không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông

05. Thuế Nhà thầu nước ngoài

- Thuế nhà thầu đối với bản quyền game
- Thuế nhà thầu đối với bán hàng hóa từ kho ngoại quan
- Thuế nhà thầu trong trường hợp công ty nước ngoài ký hợp đồng mua bảo hiểm hàng hóa cho quãng đường vận chuyển từ nước ngoài về Việt Nam
- Thuế nhà thầu khi nhập khẩu tại chỗ hàng hóa để gia công cho doanh nghiệp nước ngoài

06. Thương mại & Hải quan

- Các tài liệu có giá trị chứng minh trị giá khai báo hải quan
- Có thể mở chung tờ khai bổ sung phí bản quyền cho nhiều tờ khai nhập khẩu
- Hoàn thuế hàng hóa nhập khẩu theo quyền nhập khẩu khi tái xuất
- Hiệp định RCEP chính thức có hiệu lực từ 01/01/2022
- Chi nhánh giao nguyên liệu cho chi nhánh khác cùng một công ty để sản xuất xuất khẩu không được miễn thuế nhập khẩu
- Nhiều điểm mới về ghi nhãn hàng hóa từ 15/02/2022
- Chứng từ chứng nhận xuất xứ trong Hiệp định UKVFTA
- Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 sửa đổi, bổ sung Nghị định 128 quy định xử phạt hành chính về hải quan



Thuế Thu nhập cá nhân



VĂN BẢN MỚI

Tình trạng cư trú của chuyên gia nước ngoài có nơi ở thường xuyên ở Việt Nam, nhưng thực tế ở Việt Nam dưới 183 ngày

Xác định tình trạng cư trú của chuyên gia Hàn Quốc có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam, nhưng thực tế có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày như sau:

- Nếu cá nhân chứng minh là đối tượng cư trú tại Hàn Quốc theo quy định của Hàn Quốc thì cá nhân được xác định là không cư trú tại Việt Nam và kê khai theo thuế suất toàn phần. Các khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam nếu công ty đã khấu trừ và khai thuế Thu nhập cá nhân (“TNCN”) theo biểu thuế lũy tiến từng phần thì điều chỉnh lại theo thuế suất áp dụng đối với cá nhân không cư trú;

- Nếu cá nhân không chứng minh được là đối tượng cư trú tại Hàn Quốc thì cá nhân được xác định là cá nhân cư trú tại Việt Nam và áp dụng biểu thuế lũy tiến. Cá nhân có trách nhiệm kê khai thu nhập phát sinh tại Việt Nam và thu nhập phát sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam (nếu có) theo biểu thuế lũy tiến từng phần;

- Nếu chuyên gia là đối tượng cư trú của cả hai nước Việt Nam và Hàn Quốc thì dựa vào khoản 2 điều 4 của hiệp định tránh thuế 2 lần giữa hai nước để xác định thân phận cư trú.

(Công văn số 19320/CTBDU-TTHT ngày 06/12/2021 ban hành bởi Cục thuế tỉnh Bình Dương)

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

1. Về Thông báo Danh mục miễn thuế

Đối với các khoản từ thiện, nhân đạo, trong tình hình dịch Covid-19, người lao động có đóng góp hai (02) ngày lương ủng hộ người dân TP. Hồ Chí Minh và ủng hộ chương trình “Sống và máy tính cho em”, nếu khoản chi này đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài Chính thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

2. Trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc

- Các khoản trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thất nghiệp và khác theo quy định của luật lao động và bảo hiểm xã hội không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN;

- Tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động, các khoản trợ cấp chi trả phải được khấu trừ theo biểu thuế lũy tiến từng phần;

- Sau khi chấm dứt hợp đồng, khoản chi trả thêm được khấu trừ 10% đối với khoản chi từ 2 triệu đồng trở lên.

(Công văn số 19296/CTBDU-TTHT ngày 06/12/2021 ban hành bởi Cục Thuế Tỉnh Bình Dương)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Thuế Thu nhập cá nhân



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Khoản tiền hỗ trợ cho người lao động thực hiện phương án “3 tại chỗ”

Trường hợp Công ty trong đợt dịch Covid-19 có khoản tiền hỗ trợ cho người lao động hoạt động theo phương án “3 tại chỗ” chi trả cùng lúc với kỳ lương tháng, khoản tiền được xác định là các khoản lợi ích bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công mà người lao động được hưởng thì phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

(Công văn số 18347/CTBDU-TTHT ngày 22/11/2021 ban hành bởi Cục Thuế Tỉnh Bình Dương)

VĂN BẢN MỚI

Điểm mới trong Thông tư số 100/2021/TT-BTC hướng dẫn thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”), thuế TNCN và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

(a) Hướng dẫn đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán (từ đây về sau gọi là “Hộ khoán”)

- Trường hợp hộ khoán mới ra kinh doanh trong năm (kinh doanh không đủ 12 tháng trong năm dương lịch) thuộc diện không phải nộp thuế GTGT, thuế TNCN nếu có doanh thu kinh doanh trong năm từ 100 triệu đồng trở xuống;

- Hộ khoán đã được cơ quan thuế thông báo số thuế khoán phải nộp từ đầu năm thì hộ khoán thực hiện nộp thuế theo thông báo. Trường hợp hộ khoán đã được thông báo số thuế từ đầu năm nhưng trong năm ngừng hoặc tạm ngừng kinh doanh thì cơ quan thuế thực hiện điều chỉnh số thuế phải nộp theo hướng dẫn tại điểm b.4, điểm b.5, Khoản 4, Điều 13 của Thông tư này.

(b) Điều chỉnh đối tượng tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân khác tại điểm d, điểm e, khoản 1, Điều 8, Thông tư 40/2021/TT-BTC ngày 01/06/2021

- Điểm d: Tổ chức, bao gồm cả chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện việc khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân trên cơ sở ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự;

- Điểm e: Cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân là người nộp thuế trên cơ sở ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự.

(c) Hướng dẫn đối với doanh thu từ việc cho thuê tài sản của cá nhân

- Cá nhân chỉ có hoạt động cho thuê tài sản và thời gian cho thuê không trọn năm, nếu phát sinh doanh thu cho thuê từ 100 triệu đồng mỗi năm trở xuống thì thuộc diện không phải nộp thuế GTGT và thuế TNCN;

- Trường hợp bên thuê trả tiền thuê tài sản trước cho nhiều năm thì mức doanh thu để xác định cá nhân phải nộp thuế hay không phải nộp thuế là doanh thu trả tiền một lần được phân bổ theo năm dương lịch.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022.

(Thông tư số 100/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 ban hành bởi Bộ Tài chính)

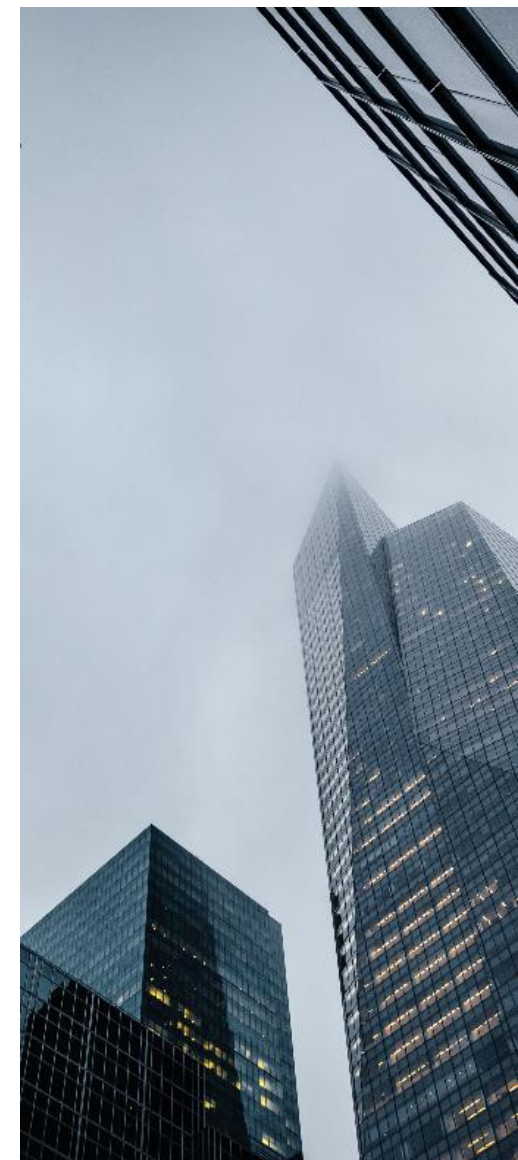


Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Quản lý thuế



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Khai thuế, nộp thuế thay cho hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán

Trường hợp công ty chi trả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền, các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác cho hộ khoán từ ngày 01/08/2021 thì công ty có trách nhiệm khai thuế, nộp thuế thay với thuế suất thuế GTGT 1%, thuế TNCN 0,5% theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính.

(Công văn số 46417/CTHN-TTHT ngày 15/11/2021, ban hành bởi Cục Thuế TP. Hà Nội)

Kê khai, phân bổ và nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) đối với nhà máy sản xuất khác tỉnh hưởng ưu đãi thuế TNDN

Trường hợp công ty có một nhà máy sản xuất cùng tỉnh và hai Chi nhánh hạch toán phụ thuộc là nhà máy sản xuất khác tỉnh, từ năm 2022 các nhà máy sản xuất đều đang hưởng ưu đãi thuế TNDN thì việc khai thuế, tính thuế, quyết toán thuế, phân bổ và nộp thuế TNDN của Công ty đối với các Chi nhánh là nhà máy sản xuất khác tỉnh từ ngày 01/01/2022 được thực hiện như sau:

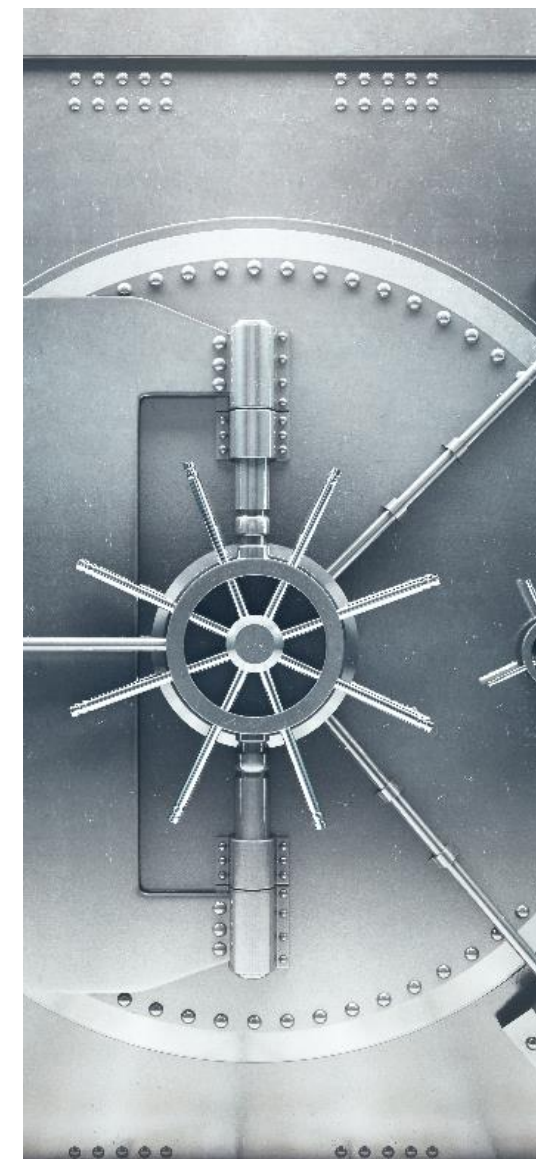
• Về phân bổ thuế TNDN phải nộp đối với các Chi nhánh là nhà máy sản xuất khác tỉnh, thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm c Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính, cụ thể:

- ✓ Số thuế TNDN phải nộp tại từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất bằng (=) số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh nhân (x) với tỷ lệ (%) chi phí của từng cơ sở sản xuất trên tổng chi phí của người nộp thuế (không bao gồm chi phí của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp). Trong đó:
 - Chi phí để xác định tỷ lệ phân bổ là chi phí thực tế phát sinh của kỳ tính thuế.
 - Số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh không bao gồm số thuế TNDN phải nộp cho hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

• Về khai thuế, tạm nộp thuế TNDN hàng quý, quyết toán thuế TNDN đối với các Chi nhánh là nhà máy sản xuất khác tỉnh, thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm c Khoản 3 Điều 17 Thông tư số 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính, cụ thể:

- ✓ Thuế TNDN tạm nộp: Công ty không phải nộp hồ sơ khai thuế quý nhưng phải xác định số thuế tạm nộp hàng quý theo quy định để nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp tại từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất, bao gồm cả nơi có đơn vị được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.
- ✓ Quyết toán thuế TNDN đối với hoạt động hưởng ưu đãi thuế TNDN: Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu và nộp tại cơ quan thuế nơi có đơn vị được hưởng ưu đãi khác tỉnh và cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

(Công văn số 46423/CTHN-TTHT ngày 15/11/2021, ban hành bởi Cục Thuế TP. Hà Nội)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường



Quản lý thuế



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Được áp dụng chính sách giảm thuế TNDN theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP đối với bên bị sáp nhập khi tiến hành thủ tục sáp nhập

Trường hợp ngày 13/7/2021, Công ty A có tiến hành thủ tục sáp nhập với công ty B thì công ty B có trách nhiệm thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế đến thời điểm có quyết định sáp nhập (trừ trường hợp không phải quyết toán thuế theo quy định). Công ty B áp dụng chính sách giảm thuế TNDN theo quy định tại Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ (nếu có).

(Công văn số 4172/CTBN-ITHT ngày 08/12/2021, ban hành bởi Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh)

Quy định về giảm thuế TNDN theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP đối với trường hợp năm tài chính không trùng năm dương lịch

Trường hợp Công ty có kỳ tính thuế TNDN theo năm tài chính không trùng năm dương lịch thì Công ty thuộc diện được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2021 xác định **phù hợp với kỳ tính thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty.**

(Công văn số 18850/CTBDU-TTHT ngày 26/11/2021, ban hành bởi Cục Thuế tỉnh Bình Dương)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường



Thuế Thu nhập doanh nghiệp



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Chi phí khấu hao của tài sản cố định bị tạm dừng trong giai đoạn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19

Trường hợp Công ty do ảnh hưởng của dịch Covid-19 dẫn tới nhu cầu thị trường sụt giảm, doanh nghiệp gặp khó khăn phải tạm dừng hoạt động một số tài sản cố định dưới 9 tháng trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020, sau đó tài sản cố định tiếp tục đưa vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì thuộc trường hợp tạm dừng do sản xuất theo mùa vụ và việc xác định chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

(Công văn số 17991/CTBDU-TTHT ngày 18/11/2021 ban hành bởi Cục Thuế tỉnh Bình Dương)

(Công văn này cũng có cùng quan điểm với công văn số 12452/BTC-TCT ngày 09/10/2020 ban hành bởi Bộ Tài chính trước đó)

Chi phí tiền lương, tiền công chi trả qua ví điện tử

Trường hợp Công ty thực hiện chi trả tiền lương, tiền công qua hình thức thanh toán vào ví điện tử của người lao động nếu đáp ứng quy định tại khoản 1, Điều 4 và không thuộc các khoản chi phí không được trừ tại khoản 2, Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính thì được xác định là chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

(Công văn số 48928/CTHN-TTHT ngày 23/11/2021 ban hành bởi Cục Thuế TP. Hà Nội)

Chi phí khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") trước hoạt động

Về nguyên tắc, Công ty thực hiện trích khấu hao TSCĐ bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà công ty hạch toán tăng TSCĐ theo quy định hiện hành về chế độ kế toán doanh nghiệp.

Trường hợp chi khấu hao với tài sản cố định không sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thì thuộc các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

(Công văn số 17970/CTBDU-TTHT ngày 18/11/2021 ban hành bởi Cục Thuế tỉnh Bình Dương)

Chi phí tiền lương, tiền công cho người lao động do thôi việc, bị mất việc mà chưa dùng hết phép năm

Trường hợp doanh nghiệp chi trả khoản tiền lương, tiền công cho người lao động do thôi việc, bị mất việc làm mà chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ đối với khoản chi nêu trên nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 và không thuộc trường hợp chi phí không được trừ quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính và khoản 2 Điều 3 Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018 của Bộ Tài chính.

(Công văn số 4176/CTBNI-TTHT ngày 08/12/2021 ban hành bởi Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường



Thuế Thu nhập doanh nghiệp



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Chi phí cho chuyên gia sang Việt Nam làm việc dưới hợp đồng phái cử

Trường hợp trong hợp đồng phái cử giữa Công ty mẹ ở Nhật Bản và Công ty con tại Việt Nam quy định rõ tất cả các khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam và thuế TNCN phát sinh từ nguồn thu tại Nhật Bản do công ty con chi trả thì các khoản chi nêu trên nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính thì được xác định là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

(Công văn số 48930/CTHN-TTHT ngày 23/11/2021 ban hành bởi Cục Thuế TP. Hà Nội)

Tiền cọc không được hoàn trả do chấm dứt hợp đồng trước hạn

Trường hợp Công ty có phát sinh khoản chi phí do chấm dứt hợp đồng thuê trước hạn nên không được trả lại tiền đặt cọc nhà xưởng, nếu khoản chi phí này đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính thì được xác định là khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

(Công văn số 18852/CTBDU-TTHT ngày 26/11/2021 ban hành bởi Cục Thuế tỉnh Bình Dương)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Thuế Gián thu



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Thuế GTGT đối với hoạt động xuất khẩu trang sức

Trường hợp Công ty có hoạt động mua, bán, chế tác vàng bạc, đá quý thì Công ty thực hiện tính thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng theo hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 (sửa đổi Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC) và áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% được quy định tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013.

Từ ngày 01/07/2016 là thời điểm Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 có hiệu lực thi hành, trường hợp Công ty có sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo hướng dẫn tại Điểm c Khoản 1 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016.

(Công văn số 45039/CTHN-TTHT ngày 09/11/2021 ban hành bởi Cục thuế TP. Hà Nội)

Thuế Tiêu thụ đặc biệt (“TTĐB”) xe ô tô không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Công Thương tại công văn số 1390/XNK-CN ngày 30/11/2020, ý kiến của Bộ Công An tại công văn số 7187/ANKT-P6 ngày 22/12/2020, trường hợp Công ty nhập khẩu xe ô tô để sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phục vụ sản xuất và đào tạo tại Công ty, không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông thì thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng so với khi nhập khẩu (không sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phục vụ sản xuất và đào tạo tại Công ty, đăng ký lưu hành, tham gia giao thông), Công ty phải kê khai, nộp thuế TTĐB với cơ quan hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Trường hợp Công ty không khai báo với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu để nộp thuế TTĐB do thay đổi mục đích sử dụng so với khi nhập khẩu, sẽ bị xử phạt theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

(Công văn số 12898/BTC-TCHQ ngày 11/11/2021 ban hành bởi Bộ Tài chính)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Thuế Nhà thầu nước ngoài



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Thuế Nhà thầu đối với bản quyền game

Trường hợp Nhà thầu nước ngoài phát sinh thu nhập tại Việt Nam từ phí bản quyền game trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với Công ty tại Việt Nam thì thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Khoản thu nhập của Nhà thầu nước ngoài như trên đang được xem là thu nhập từ bản quyền và áp dụng thuế suất thuế nhà thầu nước ngoài như sau:

- **Thuế GTGT:** không chịu thuế GTGT;
- **Thuế TNDN:** 10%.

(Công văn số 49085/CTHN-TTHT ngày 24/11/2021, ban hành bởi Cục Thuế TP. Hà Nội)

Thuế Nhà thầu đối với bán hàng hóa từ kho ngoại quan

Trường hợp Công ty tại Việt Nam ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Nhà thầu nước ngoài, hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam và đưa vào kho ngoại quan, sau đó Công ty tại Việt Nam đến kho ngoại quan để làm thủ tục nhận hàng và thanh toán tiền hàng cho bên nước ngoài nếu tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng kho ngoại quan tại Việt Nam để thực hiện quyền phân phối hàng hóa thì có nghĩa vụ nộp thuế nhà thầu đối với thu nhập phát sinh tại Việt Nam theo quy định.

(Công văn số 478/CTVLO-TTHT ngày 26/4/2021, ban hành bởi Cục Thuế Tỉnh Vĩnh Long)

Thuế Nhà thầu trong trường hợp công ty nước ngoài ký hợp đồng mua bảo hiểm hàng hóa cho quãng đường vận chuyển từ nước ngoài về Việt Nam

Công văn đề cập đến trường hợp nhà thầu nước ngoài là tổ chức cung cấp hàng hóa cho Công ty tại Việt Nam không kèm theo các dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam dưới hình thức giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam, theo đó Nhà thầu nước ngoài chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến hàng hóa cho đến điểm giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam; công ty tại Việt Nam chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc nhận hàng, chuyên chở từ cửa khẩu Việt Nam.

Trong trường hợp này, nếu nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng mua bảo hiểm hàng hóa cho quãng đường vận chuyển từ Hàn Quốc đến Việt Nam và thu tiền của Công ty tại Việt Nam trên hóa đơn cùng với tiền hàng hóa thì không thuộc đối tượng áp dụng quy định Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

(Công văn số 5616/CTHYE-TTHT ngày 23/11/2021, ban hành bởi Cục Thuế Tỉnh Hưng Yên)

Thuế Nhà thầu khi nhập khẩu tại chỗ hàng hóa để gia công cho doanh nghiệp nước ngoài

Theo hợp đồng mua bán 4 bên, Công ty A tại nước ngoài nhập khẩu hàng hóa của Công ty B tại Việt Nam và bán hàng cho Công ty C tại nước ngoài theo chỉ định bên giao hàng là Công ty B và bên nhận hàng là Công ty D tại Việt Nam.

Trường hợp Công ty D nhập khẩu tại chỗ hàng hóa (nhập khẩu để gia công, không thanh toán) với chỉ định bên giao hàng là Công ty B theo hợp đồng mua bán 4 bên nêu trên, sau đó xuất trả hàng hóa gia công cho Công ty C thì không thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

(Công văn số 4348/CTHYE-TTHT ngày 21/09/2021, ban hành bởi Cục Thuế Tỉnh Hưng Yên)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường



Thương mại & Hải quan



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Các tài liệu có giá trị chứng minh trị giá khai báo hải quan

Trường hợp doanh nghiệp không thể đến tham vấn trực tiếp do dịch bệnh, cơ quan hải quan sẽ tổ chức tham vấn trực tuyến và tiếp nhận các tài liệu, hồ sơ tham vấn trị giá qua mạng, email hoặc bưu điện.

Để chứng minh tính chính xác, trung thực của trị giá khai báo, doanh nghiệp cần cung cấp cho cơ quan hải quan các chứng từ, tài liệu, hồ sơ sau đây:

- Hợp đồng, thỏa thuận khung về giao dịch thương mại giữa bên mua và bên bán;
- Chứng từ thanh toán hàng hóa, gồm chứng từ chuyển khoản ngân hàng, chứng từ thanh toán qua bên thứ ba, biên bản đối chiếu công nợ (nếu có);
- Hóa đơn tài chính của hàng hóa nhập khẩu được bán, chuyển nhượng cho người mua nội địa nguyên trạng hoặc được gia công sau khi nhập khẩu;
- Sổ hoặc bản chụp sổ kế toán, trong đó thể hiện việc ghi chép các nghiệp vụ kế toán có liên quan đến hàng hóa đang bị nghi vấn trị giá, hàng hóa giống hệt hoặc tương tự đã xuất/nhập khẩu trước đó;
- Điều lệ công ty cổ phần, trong đó thể hiện số lượng, tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (sử dụng trong trường hợp nghi vấn mối quan hệ đặc biệt giữa các bên mua - bán ảnh hưởng đến giá cả);

- Hợp đồng vận tải, hóa đơn vận tải, chứng từ thanh toán cước vận tải;
- Hợp đồng bảo hiểm, bảo hiểm đơn, chứng từ thanh toán phí bảo hiểm quốc tế;
- Hồ sơ kế toán doanh nghiệp thể hiện tổng số tiền đã thu (doanh thu) và sẽ phải thu (khoản phải thu của khách hàng) đối với người khai hải quan xuất khẩu, hoặc tổng số tiền phải trả và đã trả cho khách hàng, bao gồm cả số tiền trả cho đối tác cung cấp các khoản điều chỉnh trị giá nếu có, đối với người khai hải quan nhập khẩu;
- Hồ sơ kế toán theo dõi biến động tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp để đối chiếu với giá bán hàng hóa xuất khẩu hoặc tổng trị giá tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên;
- Tài liệu xác thực trị giá lô hàng do cơ quan thẩm quyền nước đối tác cung cấp;
- Các tài liệu chứng minh khác (nếu có).

Cơ quan hải quan sẽ căn cứ những tài liệu giải trình của doanh nghiệp để xem xét chấp nhận (nếu phù hợp) hoặc bác bỏ trị giá khai báo (nếu không phù hợp).

(Công văn số 5371/TCHQ-TXNK ngày 12/11/2021 ban hành bởi Tổng cục Hải quan).

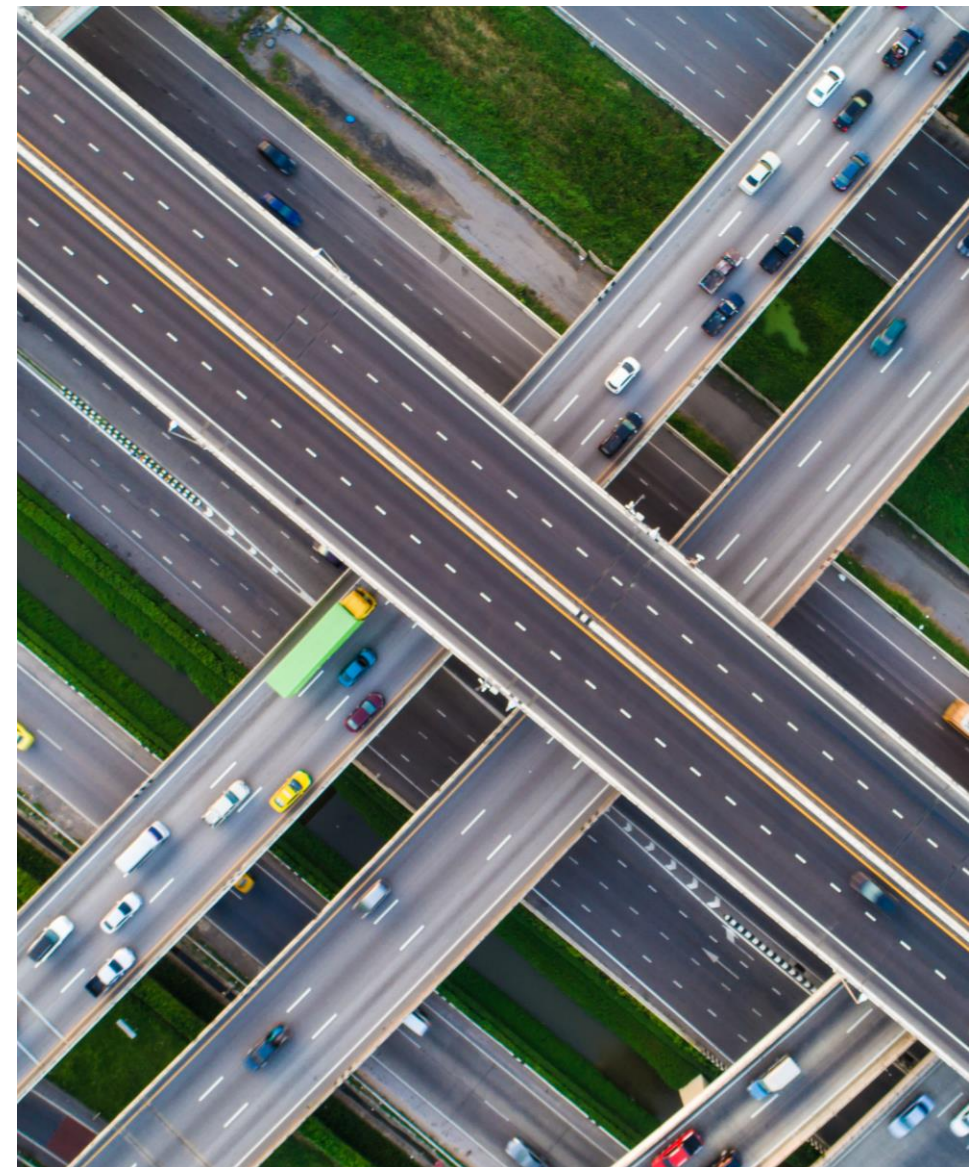


Liên hệ

Website: deloittevietnam.vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Thương mại & Hải quan



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Có thể mở chung tờ khai bổ sung phí bản quyền cho nhiều tờ khai nhập khẩu

Theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư 60/2019/TT-BTC, Điều 16 Thông tư 39/2015/TT-BTC, tại thời điểm nhập khẩu nếu doanh nghiệp chưa xác định được trị giá phí bản quyền thì phải khai báo rõ lý do trên tờ khai nhập khẩu.

Đồng thời, phải đảm bảo thời hạn khai bổ sung thuế đối với phí bản quyền theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 Thông tư 06/2021/TT-BTC.

Trường hợp cần khai bổ sung phí bản quyền cho số lượng tờ khai, số lượng dòng hàng lớn thì doanh nghiệp được lập chung một tờ khai bổ sung nhưng phải đính kèm bảng kê tổng hợp các tờ khai phải khai bổ sung và đảm bảo nguyên tắc trị giá phí bản quyền phân bổ hết cho hàng hóa nhập khẩu chịu khoản phí đó.

(Công văn số 5320/TCHQ-TXNK ngày 10/11/2021 ban hành bởi Tổng cục Hải quan)

Hoàn thuế hàng hóa nhập khẩu theo quyền nhập khẩu khi tái xuất

Trường hợp doanh nghiệp mua hàng hóa từ nước ngoài theo quyền nhập khẩu sau đó xuất bán sang nước thứ ba theo quyền xuất khẩu, nếu doanh nghiệp có quyền xuất/nhập khẩu hàng hóa và hàng tái xuất chưa qua sử dụng, gia công, chế biến tại Việt Nam thì được miễn nộp thuế Xuất khẩu đồng thời được hoàn lại thuế Nhập khẩu theo quy định tại Điều 19 Luật số 107/2016/QH13.

Liên quan đến việc xác định các hoạt động được phép thực hiện theo quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, Tổng cục Hải quan đề nghị doanh nghiệp liên hệ với Bộ Công thương để hướng dẫn theo thẩm quyền.

(Công văn số 5389/TCHQ-TXNK ngày 15/11/2021 ban hành bởi Tổng cục Hải quan).

Hiệp định RCEP chính thức có hiệu lực từ 01/01/2022

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) được ký kết vào ngày 15/11/2020 và sẽ chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.

Đây là một Hiệp định thương mại tự do được 10 nước thành viên Hiệp hội ASEAN và 05 nước đối tác gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Australia và New Zealand tham gia ký kết.

(Công văn số 7268/BCT-ĐB ngày 16/11/2021 ban hành bởi Bộ Công Thương).

Chi nhánh giao nguyên liệu cho chi nhánh khác cùng một công ty để sản xuất xuất khẩu không được miễn thuế nhập khẩu

Theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 18/2021/NĐ-CP (hiệu lực từ 25/04/2021), trường hợp công ty giao lại toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu cho công ty có sở hữu trên 50% vốn để sản xuất hàng xuất khẩu thì cũng được miễn thuế nhập khẩu số nguyên liệu này.

Tuy nhiên, Tổng cục Hải quan lưu ý, trường hợp Chi nhánh này nhập khẩu nguyên liệu và giao cho các Chi nhánh khác sản xuất hàng xuất khẩu thì không được miễn thuế theo quy định trên, do chủ sở hữu vốn tại các Chi nhánh là Công ty.

(Công văn số 5419/TCHQ-TXNK ngày 17/11/2021 ban hành bởi Tổng cục Hải quan)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường



Thương mại & Hải quan



VĂN BẢN MỚI

Nhiều điểm mới về ghi nhãn hàng hóa từ 15/02/2022

Ngày 09/12/2021, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định số 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/ND-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa. Một số nội dung sửa đổi chính bao gồm:

- Không quản lý việc ghi nhãn đối với hàng nhập khẩu gửi kho ngoại quan để tái xuất sang nước thứ ba. Tuy nhiên, sẽ quản lý việc ghi nhãn của hàng hóa xuất khẩu;
- Đối với hàng nhập khẩu để lưu thông tại Việt Nam, trên nhãn gốc bắt buộc phải thể hiện đầy đủ các thông tin sau (có thể bằng tiếng nước ngoài) tại thời điểm thông quan: tên hàng, xuất xứ, tên của cơ sở sản xuất hoặc cơ sở chịu trách nhiệm về hàng hóa;
- Trường hợp không xác định được xuất xứ thì xuất xứ hàng hóa được ghi theo nơi thực hiện công đoạn hoàn thiện cuối cùng;
- Thay mới các Phụ lục I, IV và V.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2022.

(Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 ban hành bởi Chính phủ)

Chứng từ chứng nhận xuất xứ trong Hiệp định UKVFTA

Đối với Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) quy định tại điểm a khoản 1 và chứng từ tự chứng nhận xuất xứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Thông tư số 02/2021/TT-BCT của Bộ Công Thương Quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len: cơ quan hải quan chấp nhận C/O và chứng từ chứng nhận xuất xứ nêu trên được cấp đến hết ngày 31/12/2021.

Đối với Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ nêu tại điểm c khoản 1 Điều 19 Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11/06/2021: nhà xuất khẩu của UK sẽ phải đăng ký số EORI ("Economic Operators Registration and Identification") mới thay cho hệ thống REX trước đây. Cơ quan hải quan tra cứu mã số EORI tại đường dẫn:

<https://www.gov.uk/eori>

(Công văn số 5825/TCHQ-GSQL ngày 10/12/2021 ban hành bởi Tổng cục Hải quan).



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Thương mại & Hải quan



VĂN BẢN MỚI

Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn và hải quan, v.v.

Bối cảnh

- Chính Phủ đã ban hành Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn, hải quan, v.v. (“Nghị định 102”). Nghị định này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022.

Các nội dung chính

1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (“Nghị định 125”) như:

- Sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt một số hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn;
- Trường hợp không tính tiền chậm nộp, tiền phạt;
- Miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;

2. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 128/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan (“Nghị định 128”) như:

- Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính với vi phạm hành chính nhiều lần;
- Thời hiệu xử phạt vi phạm; và
- Biện pháp khắc phục và thi hành biện pháp khắc phục.



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường

VĂN BẢN MỚI (tiếp theo)

Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 Sửa đổi, bổ sung Nghị định 125 quy định xử phạt hành chính về thuế, hóa đơn



Thương mại & Hải quan



Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy định tại Nghị định 102	Quy định tại Nghị định 125
Vi phạm hành chính về hóa đơn	- Thời hiệu xử phạt là 02 năm.	- Thời hiệu xử phạt là 01 năm.
Hành vi cho, bán hóa đơn	- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cho, bán hóa đơn trừ (i) hành vi cho, bán hóa đơn đặt in chưa phát hành và (ii) hành vi cho, bán hóa đơn đặt in của khách hàng đặt in hóa đơn cho tổ chức, cá nhân khác.	- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cho, bán hóa đơn mua của cơ quan thuế nhưng chưa lập .
Hành vi lập hóa đơn không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc trên hóa đơn theo quy định	- Bổ sung quy định phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi lập hóa đơn không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc trên hóa đơn theo quy định.	- Chưa quy định
Hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn	- Bổ sung quy định phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập nhưng chưa khai thuế. Các bên liên quan phải lập biên bản ghi nhận việc mất, cháy, hỏng hóa đơn.	- Trường hợp người mua làm mất, cháy, hỏng hóa đơn phải có biên bản của người bán và người mua ghi nhận sự việc.
	- Sửa đổi quy định để làm rõ việc xử phạt đối với hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập, đã khai thuế nói chung, bao gồm cả trường hợp đã nộp thuế hay chưa nộp thuế. Cụ thể: “Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập, đã khai thuế nộp thuế trong quá trình sử dụng hoặc trong thời gian lưu trữ, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này”.	- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập, đã khai, nộp thuế trong quá trình sử dụng hoặc trong thời gian lưu trữ, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.
Trường hợp không tính tiền chậm nộp, tiền phạt	- Trong thời gian xem xét, quyết định giảm , miễn tiền phạt.	- Trong thời gian xem xét, quyết định miễn tiền phạt.
Miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn	- Trường hợp, thẩm quyền và trình tự miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 38 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 43 của Nghị định này.	- Việc miễn tiền phạt đối với người nộp thuế bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn bị thiệt hại về vật chất trong trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 27 Điều 3 của Luật Quản lý thuế.
	- Quy định về Hồ sơ chứng minh giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại và giá trị được bảo hiểm, bồi thường đối với người nộp thuế bị thiệt hại trong trường hợp bất khả kháng.	- Quy định cụ thể về Hồ sơ đề nghị miễn tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn
Email: deloittevietnam@deloitte.com
Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường

VĂN BẢN MỚI (tiếp theo)

Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 sửa đổi, bổ sung Nghị định 128 quy định xử phạt hành chính về hải quan

Thương mại & Hải quan



Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy định tại Nghị định 102	Quy định tại Nghị định 128
Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan đối với vi phạm hành chính nhiều lần (Điều 2a)	- Tổ chức, cá nhân thực hiện vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm; - Một số trường hợp ngoại lệ theo quy định chưa bị xử lý và chưa hết thời hiệu xử lý trên nhiều tờ khai/chứng từ thuộc hồ sơ hải quan ở các thời điểm đăng ký tờ khai hải quan khác nhau thì xử phạt vi phạm hành chính một lần về hành vi vi phạm, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm hành chính đó.	- Chưa quy định
Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan (Điều 4)	- Thời hiệu xử phạt thực hiện theo Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.	- Thời hiệu xử phạt thực hiện theo Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012
Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả (Điều 5)	- Khi phạt tiền, nếu có tình tiết giảm nhẹ, thì mỗi tình tiết được giảm 10% mức tiền phạt trung bình của khung tiền phạt nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; - Nếu có tình tiết tăng nặng thì mỗi tình tiết được tính tăng 10% mức tiền phạt trung bình của khung tiền phạt nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt; - Khi vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ thì được giảm trừ theo nguyên tắc một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng.	- Chưa quy định
Quy định về việc thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả (Điều 33a)	- Quy định về việc thi hành và thủ tục giám sát và thông báo của cơ quan hải quan trong trường hợp hàng hóa bị buộc phải đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam; - Quy định về việc thi hành biện pháp tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại; thay đổi bao bì sản phẩm, buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, buộc nộp lại số tiền thuế trốn, số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu.	- Chưa quy định



Liên hệ với chúng tôi



Thomas McClelland

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

+84 28 7101 4333

tmccllland@deloitte.com



Bùi Ngọc Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

+84 24 7105 0021

tbui@deloitte.com



Bùi Tuấn Minh

Phó Tổng Giám đốc

+84 24 7105 0022

mbui@deloitte.com



Phan Vũ Hoàng

Phó Tổng Giám đốc

+84 28 7101 4345

hoangphan@deloitte.com



Đinh Mai Hạnh

Phó Tổng Giám đốc

+84 24 7105 0050

handinh@deloitte.com



Võ Hiệp Vân An

Phó Tổng Giám đốc

+84 28 7101 4444

avo@deloitte.com



Vũ Thu Nga

Phó Tổng Giám đốc

+84 24 7105 0023

ngavu@deloitte.com

Văn phòng Hà Nội

Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 24 7105 0000

Fax: +84 24 6288 5678

www.deloitte.com/vn

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 28 7101 4555

Fax: +84 28 3910 0750

deloittevietnam@deloitte.com

Deloitte.



Making an impact since 1991

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited (“DTTL” hay “Deloitte Toàn cầu”), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte Châu Á Thái Bình Dương là một hãng thành viên của Deloitte Toàn cầu. Các thành viên và các đơn vị trực thuộc của Deloitte Châu Á Thái Bình Dương cung cấp dịch vụ cho khách hàng tại hơn 100 thành phố trong khu vực, bao gồm Auckland, Bangkok, Bắc Kinh, Hà Nội, Hồng Kông, Jakarta, Kuala Lumpur, Manila, Melbourne, Osaka, Seoul, Thượng Hải, Singapore, Sydney, Đài Bắc và Tokyo. Tại các nước thành viên, các hoạt động kinh doanh được thực hiện độc lập bởi các pháp nhân riêng biệt.

Deloitte Việt Nam

Tại Việt Nam, dịch vụ chuyên ngành được cung cấp bởi từng pháp nhân riêng biệt, và chỉ nhánh của pháp nhân đó, được gọi chung là Deloitte Việt Nam.

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin chung và nhằm mục đích tham khảo, do vậy, không một hãng Deloitte Touche Tohmatsu Limited, hay bất kỳ một hãng thành viên hay công ty con (sau đây được gọi chung là “Tổ chức Deloitte”) và các nhân viên của họ được xem là, trong phạm vi nội dung của tài liệu này, cung cấp dịch vụ hay đưa ra những ý kiến, tư vấn về chuyên môn cho người đọc. Tài liệu này không cấu thành ý kiến tư vấn đối với người đọc và sẽ không ảnh hưởng đến các ý kiến tư vấn khác do bất kỳ nhân viên của Tổ chức Deloitte cung cấp. Những thông tin thể hiện trong tài liệu này không áp dụng đối với các trường hợp riêng biệt của doanh nghiệp. Trước khi đưa ra bất kỳ một quyết định hay hành động nào có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính hoặc hoạt động kinh doanh, người đọc nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn.

Không có tuyên bố, bảo đảm hoặc cam kết nào (rõ ràng hay ngụ ý) được đưa ra về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của thông tin trong tài liệu này, và không một hãng thành viên nào thuộc mạng lưới các công ty Deloitte chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất xảy ra trực tiếp hay gián tiếp do kết quả của việc người đọc sử dụng, công bố, phát tán ra bên ngoài hoặc dựa vào tài liệu này để hành động, không hành động hoặc ra bất kỳ quyết định nào. DTTL và mỗi thành viên là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý.